

## Các đời chúa Trịnh

Các đời chúa Trịnh tồn tại trong 243 năm (1545-1787), trải qua 12 đời chúa, bao gồm:

Trịnh Kiểm (1545-1570)	Trịnh Giang (1729-1740)
Trịnh Tùng (1570-1623)	Trịnh Doanh (1740-1769)
Trịnh Tráng (1623-1652)	Trịnh Sâm (1767-1782)
Trịnh Tạc (1653-1682)	Trịnh Cán
Trịnh Căn (1682-1709)	Trịnh Tông (1782-1786)
Trịnh Cương (1709-1729)	Trịnh Bồng (từ 9/1786 đến 9/1787)

Nam triều - Bắc triều (1533-1593)  
Trịnh - Nguyễn phân tranh

Các đời chúa Trịnh (1545-1787)  
Các đời chúa Nguyễn (1600-1802)

### ♦ Thế tổ Minh Khang - Thái vương Trịnh Kiểm (1545-1570):

Trịnh Kiểm người làng Sóc Sơn, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hoá. Mặc dù không được học hành nhiều song Kiểm rất thông minh, can đảm và mưu lược hơn người. Nguyễn Kim mến tài đem con gái cưng là Ngọc Bảo gả cho Kiểm. Từ đấy nhiều việc quan trọng, Nguyễn Kim thường giao cho Kiểm. Kiểm được cầm binh mã sang Ai Lao đón vua Lê Trang Tông. Nhà vua thấy ông có tướng mạo khác thường, phong ông làm Đại tướng quân, tước Dục quận công vào năm Kỷ Hợi (1539). Khi đó Trịnh Kiểm 37 tuổi.

Năm Ất Ty (1545) Nguyễn Kim trên đường hành quân ra đánh Bắc triều ở miền Sơn Nam đến Yên Mô (Ninh Bình) thì bị hàng tướng nhà Mạc đánh thuốc độc chết. Quyền binh lọt vào tay Trịnh Kiểm. Khi được vua Lê chính thức trao toàn quyền thống lĩnh binh mã với tước Thái sư Lạng quốc công, Kiểm thấy chưa đủ lực lượng tấn công Bắc triều, liền rút quân về củng cố lực lượng; lập hành tại vua Lê ở đồn Vạn Lại (huyện Thủy Nguyên, Thanh Hoá). Nhiều nhân sĩ tài giỏi đã tìm đến hành tại giúp vua Lê trong đó có Trịnh Bồng Phùng Khắc Khoan và Lương Hữu Khánh.

Vua Lê Trang Tông tuy ngồi ở ngôi chí tôn nhưng quyền hành đều do Trịnh Kiểm nắm giữ.

Năm 1548, Trang Tông mất, Trịnh Kiểm cho lập con lớn của Trang Tông là Huyền lên nối ngôi lấy hiệu là Trung Tông. Vua Trung Tông cũng chỉ ở ngôi được 8 năm thì mất khi mới 22 tuổi, không có con nối ngôi, Trịnh Kiểm muốn nhân dịp này tự lập làm vua. Biết tiếng Trịnh Nguyễn Bình Khiêm đang về ẩn dật ở làng Cổ Am, huyện Vĩnh Lại, Hải Dương (nay thuộc Hải Phòng) là người uyên bác về y, nho, lý, số, được người đời bấy giờ coi là bậc tiên tri, Trịnh Kiểm cho người đến hỏi ý kiến.

Sứ trở về Thanh Hoá, thuật lại từng lời nói cử chỉ của Trịnh Nguyễn Bình Khiêm, Trịnh Kiểm hiểu ra không nên thực hiện ý định cướp ngôi nhà Lê nữa mà tìm người cháu của Lam Quốc công Lê Trứ (anh ruột Lê Lợi) tên là Lê Duy Bang lập làm vua. Việc đó xảy ra vào năm Bính Dần (1556). Kiểm từ đó càng tỏ ra chuyên quyền, tìm cách hãm hại anh em họ Nguyễn: Nguyễn Uông đã bị giết, còn em lại là Hoàng cũng đang bị ganh ghét. Năm Mậu Thân (1558) Nguyễn Hoàng xin vào trấn thủ Thuận Hoá, Trịnh Kiểm đồng ý ngay với hy vọng Hoàng sẽ gặp khó khăn ở miền "Ô châu ác địa", không ngờ từ đó mầm mống của một cuộc phân tranh mới đã xuất hiện.

Nam triều từ khi có Trịnh Kiểm cầm quân càng tỏ ra mạnh khiến Bắc triều không thể xem thường. Vua Mạc từng sai đại tướng của mình là Mạc Kính Điển đem quân vào đánh Thanh Hoá đến 10 lần. Ngược lại, quân Trịnh cũng kéo ra đánh đến Sơn Nam trước, sau 6 lần. Có lần (vào năm Kỷ Mùi (1559), Kiểm huy động tới 6 vạn quân đánh các tỉnh Sơn Tây, Hưng Hoá, Kinh Bắc, Lạng Sơn rồi vòng xuống Hải Dương theo chiến lược phá hàng rào trước, đột nhập vào Đông Kinh sau. Lần ấy Trịnh Kiểm tưởng đã nắm được thắng lợi trong tay, thì lại được tin quân Mạc

đánh thọc vào bản doanh vua Lê ở Thanh Hoá, Trịnh Kiểm phải rút quân về cứu hậu phương.

Dưới thời Trịnh Kiểm cầm quân, Nam triều đã lấy được các huyện Yên Mô, Yên Khánh, Phụng Hoá, Gia Viễn. Năm Kỷ Tỵ (1569), vua Lê gia phong cho Kiểm làm Thượng tướng Thái quốc công và tôn làm Thượng phụ. Cũng năm đó Trịnh Kiểm ốm nặng, dâng biểu xin trao lại binh quyền cho vua Lê. Vua Lê sai con trưởng của Trịnh Kiểm là Trịnh Cối nắm binh quyền.

Tháng 2 năm Mậu Ngọ (1570) Trịnh Kiểm mất, truy tôn làm Minh Khang thái vương, thụy là Trung Huân.

Như vậy Trịnh Kiểm mở đầu sự nghiệp nắm quyền của họ Trịnh trong 26 năm, trải giúp 3 đời vua, thọ 68 tuổi.

#### ♦ Thành tổ Triết Vương - Trịnh Tùng (1570-1623):

Theo thứ tự chính thống nối ngôi chúa thuộc về Trịnh Cối, là con bà vợ cả. Nhưng Trịnh Cối ham mê tửu sắc, ngày càng kiêu ngạo càn rỡ. Các tướng dưới quyền Cối ngày càng xa lìa. Vì thế chỉ hai tháng sau khi Trịnh Kiểm mất, tháng 4 năm Canh Ngọ (1570), các quan tướng của Trịnh Kiểm như Lê Cập Đệ, Trịnh Vĩnh Thiệu, Trịnh Bách, Phan Công Tích đem quân bản bộ đến với Trịnh Tùng, yêu cầu Tùng lên thay Trịnh Cối. Trịnh Tùng là con thứ của Trịnh Kiểm với Ngọc Bảo, con gái Nguyễn Kim. Trịnh Tùng khôi ngô, có tài thao lược, biết cách lấy lòng các tướng sĩ, được Trịnh Kiểm rất yêu mến. Nhưng vì là con thứ nên Tùng chưa dám tranh quyền với Trịnh Cối. Được các quan quân tôn phò, Tùng buộc phải cùng họ đem quân và voi chạy đến hành tại Yên Trường và yết kiến vua Lê.

Phúc Lương hầu Trịnh Tùng cùng với Lê Cập Đệ mật tâu vua rời hành tại vào cửa Vạn Lại, chia quân canh giữ đề phòng Trịnh Cối. Hôm sau Trịnh Cối đích thân đốc các tướng đem hơn một vạn quân đuổi theo đến tận cửa Vạn Lại, đóng quân bao vây ở ngoài. Hai bên cầm cự nhau vài ngày, sai người đưa thư đi lại chửi bới lẫn nhau. Cuộc tranh giành kéo dài đến 7 ngày trời, vua Lê phải cho sứ ra chiêu dụ các tướng ở bên ngoài và khuyên giảng hoà. Vua Lê biết là không thể dùng lời lẽ hoà giải được bèn sai các tướng ra sức phòng giữ. Trịnh Cối thấy đánh mãi không phá được thành, ngần ngại, tự lui quân về dinh Biện Thượng.

Biết anh em họ Trịnh đang đem quân đánh nhau để tranh ngôi chúa, tháng 8 năm Canh Ngọ (1570), vua Mạc sai Mạc Kính Điển đem đại quân 10 vạn người và 700 chiến thuyền đánh vào Thanh Hoá. Quân Mạc tiến như vũ bão vào tận cửa Linh Trường, Chi Lăng, Hội Triều. Quân lính Mạc đóng dinh trại tại Hà Trung, hai bên bờ sông khói lửa liên tiếp kéo dài tới 10 dặm. Trịnh Cối lo sợ bèn đem vợ con và các thuộc tướng đến hàng quân Mạc. Mạc Kính Điển chấp thuận và phong Cối làm Trung Lương hầu, các quan đi theo Cối thì được phong tước công.

Thế quân Mạc ngày càng mạnh, tình hình rất nguy kịch, Vua Lê sắc phong Trịnh Tùng làm Trưởng quận công tiết chế thủy bộ chỉ dinh, cầm quân đánh Mạc. Bản thân vua Lê cũng tạm làm tướng chỉ huy một đội quân kéo ra đóng tại huyện Đông Sơn. Nhờ đó thanh thế của quân Nam triều lại khởi sắc, mấy lần quân Bắc triều tấn công đều thất bại. Tháng 12 năm ấy, sau 4 tháng tấn công vào thành không thắng được. Mạc Kính Điển lại rút quân ra Bắc. Trịnh Cối cùng mẹ và vợ con với hơn 1000 quân chạy theo quân Mạc. Quân Bắc triều rút rồi, nội bộ Nam triều lại lục đục, Lê Cập Đệ muốn giết Trịnh Tùng để giành quyền lại cho họ Lê. Mấy lần bày mưu mời Trịnh Tùng xuống thuyền uống rượu và ngắm trăng, nhưng Tùng biết nên việc không thành. Lê Cập Đệ bị Trịnh Tùng giết. Vua Lê thấy thế trong lòng không yên, lại nghe các quan gièm pha đang đem 4 hoàng tử chạy vào thành Nghệ An, đó là năm Nhâm Thân (1572).

Trịnh Tùng cho đón hoàng tử thứ 5 của vua Lê là Duy Đàm, lập làm vua. Vua Lê phong Tùng làm Đô tướng tiết chế các sứ thủy bộ chủ dinh kiêm quản binh chương quân quốc trọng sự. Tùng nắm trọn quyền trong triều, ngoài trấn, vua Lê chỉ là bù nhìn.

Từ khi Tùng nắm trọng binh quyền, lực lượng phía Nam triều mạnh lên nhiều, quân Trịnh bắt đầu

lại mở các cuộc tấn công ra Bắc.

Tháng 9 năm Giáp Thân (1584) Trịnh Cối chết trên đất Bắc triều. Vua Mạc sai người đến làm lễ viếng; lại sai đưa trả linh cữu về quán ở chân núi Quân Yên huyện Yên Định, đặt lễ cúng, dâng biểu xin vua Lê tha tội, truy tôn Cối là Thái phó trung quận công, cho con là Trịnh Xuân để tang bác.

Sau hơn 10 lần liên tục mở các đợt tấn công ra Bắc, cuối cùng Trịnh Tùng đã đánh bại được quân nhà Mạc, khôi phục được kinh thành Thăng Long. Trong một cuộc vây quét dư đảng của nhà Mạc, quân Trịnh Tùng dồn quân Mạc lên vùng biên giới phía Bắc. Từ đó, mặc dù lực lượng của Mạc còn khá đông nhưng không tụ lại được mà chỉ hoạt động lẻ tẻ ở các tỉnh miền núi và trung du phía Bắc.

Năm Ất Mùi (1595), Trịnh Tùng vào Thăng Long bắt đầu tổ chức bộ máy cai trị quy mô của bậc đế vương. Tùng cho đóng một cỗ xe rất lộng lẫy theo mẫu Nguyễn Hoàng thiết kế. Tùng sai sứ sang nhà Minh xin sắc phong cho mình là Đô nguyên suý tổng quản quốc chính thượng phụ, tước Bình An vương. Tùng quy định cho vua Lê được thu thuế 1000 xã (gọi là lộc thượng tiến) và 5000 quân túc vệ, 7 voi và 20 chiếc thuyền rồng.

Trịnh Tùng cho lập phủ riêng gồm đủ cả lục phiên tương đương lục bộ của triều vua. Phủ chúa có toàn quyền đặt quan, thu thuế, bắt lính. Vua chỉ có mặt trong những dịp long trọng đặc biệt như tiếp sứ Tàu mà thôi. Từ đây bắt đầu thời kỳ “vua Lê chúa Trịnh”. Con chúa Trịnh cũng được quyền thế tập gọi là Thế tử.

Trước sự hống hách, lộng quyền của chúa Trịnh. Vua Lê Kính Tông không chịu nổi bèn cùng với con Trịnh Tùng là Trịnh Xuân mưu giết Trịnh Tùng. Công việc “bại lộ, Trịnh Tùng bức Vua thất cổ chết giữa tuổi 32, Tùng cho Hoàng thái tử Lê Duy Kỳ lên thay ngôi vua, lấy hiệu là Lê Thần Tông”.

Năm Quý Hợi (1623), Bình An vương Trịnh Tùng bị cầm, sai các quan bàn việc chọn Thế tử. Triều thần liền tâu lấy Thế tử Trịnh Tráng giữ binh quyền, còn con thứ là Thái Bảo quận công Trịnh Xuân giữ chức phó. Biết tin này, ngày hôm sau Trịnh Xuân đem quân và voi vào phá nội phủ cướp lấy voi ngựa, vàng bạc châu báu rồi bắt Trịnh Tùng phải dời ra ngoài thành rồi phóng lửa đốt phủ chúa.

Trịnh Tráng cùng em là Trịnh Khải đem vua chạy ra ngoài. Trịnh Tráng họp các quan văn võ ở chợ Nhân Mục huyện Thanh Trì bàn việc đối phó với Trịnh Xuân. Lúc đó Trịnh Tùng đã quá ốm yếu, sai em ruột là Trịnh Đổ dụ Trịnh Xuân đến Quán Bạc (xã Hoàng Mai, huyện Thanh Trì) để trao cho đại quyền. Xuân đến, mồm ngậm cỏ, phủ phục ở sân. Trịnh Tùng kể tội Xuân là kẻ phản loạn thần tặc tử, truyền lệnh cho Bùi Sĩ Lâm chặt chân Xuân cho đến chết. Còn Trịnh Đổ em Trịnh Tùng, sai con trai mình là Trịnh Thạc đi đón thái tử Trịnh Tráng đến gặp Trịnh Tùng. Thế tử Trịnh Tráng cùng với Thạc cưới chung một con voi. Thấy vậy, thuộc tướng của Tráng cho biết là cha con ông chú (Trịnh Đổ) đang có âm mưu hại Trịnh Tráng, Tráng nghe vậy mới bảo Thạc cứ về dinh trước rồi tự mình đem quân chạy về đóng ở Ninh Giang.

Ngày 20 tháng 6 năm Quý Hợi (1623), Trịnh Tùng mất tại quán Thanh Xuân, huyện Thanh Oai, Trịnh Tráng cho đón linh cữu về Ninh Giang phát tang rồi sai 13 chiếc thuyền theo linh cữu rước về táng ở Thanh Hoá. Trịnh Tráng cũng rước vua Lê về Thanh Hoá để lo toan việc dẹp loạn

Như vậy là trong 20 năm nắm quyền, Trịnh Tùng đã đánh bại được nhà Mạc, khôi phục lại cơ đồ nhà Lê nhưng cũng bắt đầu từ đây một kiểu cai trị tồn tại song song cả vua lẫn chúa.

Chúa Trịnh Tùng ngự ở Thăng Long 33 năm nữa, tổng cộng cả quãng đời chinh chiến lẫn hoà bình Trịnh Tùng cầm quyền 53 năm, khi mất đã 74 tuổi.

♦ Văn tổ Nghị Vương - Trịnh Tráng (1623-1652):

Dư đảng của họ Mạc do Kính Khoan đang chiếm cứ đất Cao Bằng nghe tin Trịnh Tùng chết, các con đánh nhau giành ngôi chúa, liền từ Cao Bằng kéo xuống Gia Lâm, người theo đông đến hàng vạn. Trịnh Tráng phải rước vua Lê chạy vào Thanh Hoá.

Tháng 8 năm Quý Hợi (1623), Trịnh Tráng đem quân ra phá tan quân của Kính Khoan ở Gia Lâm. Kính Khoan một mình chạy thoát thân trốn vào núi. Kinh thành lại được yên, Tráng lại rước vua Lê trở lại kinh đô. Mùa đông năm đó (1623) vua Lê phong Nguyễn suý thống quốc chính Thanh Đô vương cho Trịnh Tráng.

Trịnh Tráng lên nắm quyền ở phủ chúa là lúc quan hệ giữa họ Trịnh và họ Nguyễn trở nên căng thẳng. Tạm yên mặt Bắc, Trịnh Tráng lại phải lo đối phó mặt Nam. Lúc này ở đàng Trong, chúa Nguyễn Phúc Nguyên đã ra mặt chống lại chúa Trịnh ở đàng Ngoài. Trịnh Tráng nhiều lần lấy danh nghĩa vua Lê đem quân đi đánh Phúc Nguyên nhưng quân Nguyễn lợi dụng địa thế hiểm trở, đắp lũy đài chống cự quyết liệt, quân Trịnh không làm gì được, phải rút về. Khi lên nắm quyền Trịnh Tráng đã cao tuổi (47 tuổi), từng trải việc quân việc đời nên trong chính sách cai trị, Tráng khéo léo và mưu mô hơn chúa trước. Để thắt chặt thêm quan hệ giữa Nhà chúa và vua Lê; Trịnh Tráng đem con gái của mình (trước đã lấy chồng được bốn con với chú họ của vua Lê) gả cho vua Lê, ép vua lập làm Hoàng hậu. Vua Lê đành chịu chấp nhận việc đó.

Năm Ất Dậu (1645), Trịnh Tráng tuổi đã già, xin vua phong cho con thứ hai là Tây quận công Trịnh Tạc làm khâm sai tiết chế các xứ chủ sở thủy dinh chương quốc quyền binh, tả tướng Thái úy Tây Quốc công Trịnh Tạc được chọn thay quyền cha giữ ngôi chúa. Sau quyết định này vài hôm, Trịnh Tráng bị cảm mạo, các con là Trịnh Sầm, Trịnh Lịch vì không được cha truyền ngôi bèn nổi loạn. Sau cả hai người con này đều bị bắt chém. Thời kỳ cầm quyền, Trịnh Tráng có chút công lao ngoại giao đáng kể là vua Minh từ chỗ chỉ phong tước An Nam đô thống sứ cho các vua Lê Trung Hưng, đến đây đã chịu phong cho Lê Thần Tông làm An Nam quốc vương.

Năm Đinh Dậu (1657), Trịnh Tráng mất, trải qua 30 năm cầm quyền ở phủ chúa, được vua Lê phong đến hết mức: Thượng chúa sự phụ Công cao thông đoán nhân Thanh vương, chết 81 tuổi.

#### ♦ Hoàng tử Dương Vương -Trịnh Tạc (1653-1682):

Trịnh Tạc là con thứ hai mà lại được Nhà chúa chọn làm Nguyên suý chương quốc chính Tây Định vương từ năm Quý Tỵ (1653) khi Trịnh Tráng còn đang sống. Sự đảo lộn thứ tự giữa Trịnh Tạc và Trịnh Toàn đã tạo nên một mâu thuẫn ngầm ngấm giữa Tạc và Toàn. Lúc này cuộc chiến giữa Đàng Ngoài và Đàng Trong đang ngày càng quyết liệt. Trịnh Toàn đang nắm giữ binh quyền ở Nghệ An. Năm Bính Thân (1656) Trịnh Tạc sai Căn là con trai cả làm Thế tử lĩnh chức Tá quốc dinh phó đô tướng Thái Bảo Phú Quận công đem quân vào Nghệ An tăng viện cho Trịnh Toàn và cũng để kiềm chế Trịnh Toàn. Ngày 16 tháng 4 năm Đinh Dậu (1657) trước khi qua đời, Trịnh Tạc cho người triệu Toàn về kinh đô mưu sát. Bộ hạ Toàn sợ bị vạ lây đã chạy sang hàng quân Nguyễn ở Đàng Trong, riêng Toàn không biết làm sao, đem toàn bộ voi ngựa, khí giới đến cửa quân của Trịnh Căn xin cháu đoái thương. Trịnh Căn không dám quyết định. Toàn miễn cưỡng phải về kinh. Trịnh Tạc sai đình thần tra hỏi tống ngục cho đến chết. Quyền hành quân sự từ tay Toàn được chuyển hết vào tay Trịnh Căn. Căn đóng quân ở Nghệ An.

Từ chúa Trịnh Tạc trở đi, vua Lê cho phép các chúa Trịnh vào châu không phải lạy, tờ chương tấu không phải đề tên, đặt chỗ ngồi bên tả nhà vua mỗi khi thiết triều. Sau thắng lợi dẹp được Mạc Kính Vũ ở Cao Bằng tháng 9 năm Đinh Mùi (1667), Trịnh Tạc tự nhận công lao của mình bao trùm tất cả, càng lấn lướt vua Lê, tự gia phong Đại nguyên soái thượng sư Thái phụ Tây vương.

Năm Nhâm Tí (1672), Trịnh Tạc ép vua Lê đem quân đánh quân Nguyễn một trận lớn ở châu bắc Bồ Chính. Quân Trịnh chiếm được lũy Trấn Ninh. Trịnh có nhiều tướng giỏi như Trịnh Căn, chỉ huy quân thủy, Lê Thời Hiến chỉ huy quân bộ. Trịnh huy động đến 3 vạn quân vượt sông

Gianh đánh vào cửa Nhật Lệ. Quân Nguyễn ra sức chống đỡ nhờ vào hệ thống thành lũy kiên cố. Tháng 12 năm Nhâm Tý (1672), Trịnh Tạc rút đại quân về chỉ để lại Lê Thời Hiến trấn giữ Nghệ An. Từ đó hai phía Đàng Trong và Đàng Ngoài tạm dừng binh đao, lấy sông Gianh làm giới hạn.

Trở về kinh đô, Trịnh Tạc bắt đầu chú ý đến bộ máy cai trị theo lối "chính quy": Văn thần phải thay phiên nhau vào ứng trực tại phủ chúa để làm công việc. Việc này gọi là "nhập các". Dưới sự tham gia, cố vấn của tham tụng Phạm Công Trứ, một loạt chính sách mới về thuế khoá, ruộng đất được ban hành để giải quyết hậu quả chiến tranh.

Nhưng cũng vào thời kỳ này, bắt đầu xuất hiện nạn kiêu binh. Lính Thanh Nghệ cậy có công lao trong chiến trận sinh ra kiêu ngạo, phóng túng, nổi loạn giết bồi tụng Nguyễn Quốc Trinh, cướp phá nhà tham tụng Phạm Công Trứ. Kinh thành trở nên náo loạn.

Tháng 7 năm Giáp Dần (1674), Trịnh Tạc mất, con là Trịnh Căn nối giữ ngôi chúa. Trịnh Tạc nắm quyền 25 năm, trải qua 4 đời vua Lê. Thần Tông, Huyền Tông, Gia Tông và Hy Tông, thọ 77 tuổi.

#### ♦ Chiêu tổ Khang Vương - Trịnh Căn (1682-1709):

Trịnh Căn là con trưởng của Trịnh Tạc. Lúc còn nhỏ có tội phải giam vào ngục. Về sau nhờ khéo vận động, Trịnh Căn được tha.

Dưới thời Trịnh Căn, chiến tranh giữa Đàng Trong và Đàng Ngoài đã tạm dừng. Vì thế, chúa Trịnh cũng có điều kiện để củng cố bộ máy cai trị ở Đàng Ngoài. Giúp cho việc cai trị của chúa Trịnh lúc đó nhiều người đỗ đạt cao, danh vọng lớn như Nguyễn Danh Nho, Nguyễn Quý Đức, Nguyễn Tông Quai, Đặng Đình Tường... Ở Trung Quốc nhà Thanh đã lên cầm quyền, muốn mở rộng ảnh hưởng ban đầu xuống phía Nam. Họ tỏ ra có nhiều thân thiện với triều đình Lê-Trịnh: Tháng 9 năm Mậu Tý nhà Thanh sai sứ sang ban cho vua Lê đồng đại tự "trung hiếu thủ bang" (có lòng trung thành hiếu kính để giữ nước). Đây là sự tri ân cho nhà Lê đã từ chối không cứu viện cho Ngô Tam Quế, bày tội phản nghịch chống nhà Thanh. Vua Thanh còn sai sứ ban lễ phẩm cho việc tế Huyền Tông và Gia Tông. Trịnh Căn đã làm được một số việc đáng chú ý:

Năm Giáp Tý (1684) hạ lệnh cho quan lại vi hành thị sát dân tình. Trong lệnh chỉ chúa Trịnh viết: "Thương yêu dân chúng là việc làm đầu tiên trong chính sự. Dân chúng có người vì quan sở tại hà khắc, bòn quyền quý ức hiếp, có người vì oan ức mà phải phiêu tán tha hương, họ cần được vỗ về thương yêu mới phải".

Bằng nhiều cố gắng ngoại giao, chúa Trịnh đã buộc nhà Thanh trả lại một số thôn ấp vùng biên giới. Mặc dù vậy, lợi dụng chiến tranh Trịnh-Nguyễn, vùng biên giới nước ta không được chú ý đến, quan lại trấn thủ và thổ hào từ bên kia biên giới xâm lấn khá nhiều đất đai. Trịnh Căn đã bắt đầu có ý thức đòi lại đất, nhưng chưa được bao nhiêu.

Năm Quý Dậu (1693) Chúa Trịnh cũng bắt đầu chỉnh đốn lại thể văn thi ở các khoa trường và bắt đầu đặt chức quan quản lãnh công việc ở Quốc Tử Giám, làm số "tu tri" để quản lý mọi mặt các xã thôn trong nước.

Trịnh Căn cũng rất quan tâm đến việc chuẩn bị cho người kế nghiệp, nhưng về việc này chúa gặp phải nhiều lộn độn.

Năm Kỷ Sửu (1709) Trịnh Căn mất. Chắt là Trịnh Cương lên nối ngôi. Trịnh Căn giữ phủ chúa 28 năm. Mất lúc 77 tuổi truy tôn là Khang Vương, hiệu là Chiêu Tổ.

#### ♦ Hy tổ Nhân Vương Trịnh Cương (1709-1729):

Trịnh Cương là con trưởng của Trần Quan vương Trịnh Bình, là chắt của Trịnh Căn được chọn để nối nghiệp chúa. Sự lựa chọn này là vừa theo nguyên tắc trực hệ vừa do hai đại thần có tiếng



thời Lê-Trịnh là Nguyễn Quý Đức và Đặng Đình Tướng tiến cử. Năm Kỷ Sửu (1709), Trịnh Cán mất, Trịnh Cương nổi ngôi, gia phong là Nguyên soái tổng quốc chính An Đô vương.

Tháng 9 năm Giáp Ngọ (1714), Trịnh Cương lại được tiến phong Đại nguyên soái tổng quốc chính Thượng sư An vương. Nhân dịp tiến phong, Trịnh Cương vào bái yết Thái miếu và châu vua Lê ở điện Vạn Thọ. Đây là cử chỉ tỏ ra Trịnh Cương là người biết giữ mối quan hệ vua Lê chúa Trịnh, không quá mức lấn quyền như các chúa trước. Đáp lại, Lê Dụ Tông kính trọng Cương khác thường, cho tấu sớ không phải đề tên.

Thời kỳ ở ngôi chúa, Trịnh Cương rất chăm chỉ lo toan việc trị nước. Chúa trọng dụng ba đại thần rất trẻ và có tài là Lê Anh Tuấn, Nguyễn Công Cơ và Nguyễn Công Hãng. Cùng với các quan này, đặc biệt là với Nguyễn Công Hãng, Trịnh Cương bàn định và ban hành hàng loạt cải cách về thuế khoá áp dụng ép thuế Tô Dung Diệu học của Trung Quốc, nhằm hạn chế bất công trong thuế má để lại từ trước. Sử ghi rằng có lần nửa đêm, nghĩ đến việc cải cách, Trịnh Cương sai người đánh thức hai quan Tể tướng là Công Hãng và Anh Tuấn mời vào phủ bàn việc. Có lúc làm việc kéo dài đến quá trưa.

Có lần bàn về hình thức cho các quan quần thần khuyên Trịnh Cương dùng áo màu vàng để tiếp kiến bầy tôi. Cương từ chối vì cho màu vàng chỉ dành cho vua, mình là chúa, dùng màu tía để phân biệt với các quan trong triều là được

Gia thuộc họ Trịnh đều có quân riêng, Trịnh Cương ra lệnh giải tán, chỉ giữ lại một lực lượng thống nhất do phủ chúa cai quản nhằm đề phòng các thân thuộc đánh nhau tranh dành quyền lực. Sau đó, Trịnh Cương tổ chức lại quân ngũ của phủ chúa, đặt sáu quân doanh, mỗi doanh biên chế 800 người, bổ dụng 6 tướng chia nhau thống lĩnh. Đầu năm 1724, Trịnh Cương được thay nhà vua tế đàn Nam Giao song không đứng vào chỗ vua Lê làm lễ. Người đương thời rất tin phục Cương.

Trịnh Cương rất chú trọng đến việc bổ dụng và làm trong sạch đội ngũ quan lại. Năm Giáp Thìn (1724), theo lời bàn của Nguyễn Công Hãng, chúa cho phép dân chúng được yết bảng góp ý kiến quan lại địa phương. Bức cáo gửi các địa phương có ghi rõ: "Những điều yết lên bảng phải xuất phát từ lẽ công bằng, cả loạt đều cùng một giọng. Người nào yết bảng theo ý riêng mình, khen chê bậy bạ sẽ bị tội"

Một việc hiếm xảy ra trong chế độ phong kiến là tổ chức thi lại để loại trừ kẻ bất tài nhờ chạy chọt mà đỗ đạt. Năm Bính Ngọ (1726), Nguyễn Công Cơ tâu lên chúa rằng chuyện thi cử có nhiều những lạm, phần lớn con em nhà quyền thế đỗ hương cống, không có thực tài, Trịnh Cương hạ lệnh cho thi lại, đánh hỏng 28 người, trong đó có quan tham tụng Lê Anh Tuấn, con Huân quận Công Đặng Đình Giám, con nuôi nội giám Đỗ Bá Phẩm... Bọn này được giao xuống cho pháp đình xét hỏi và trị tội nặng. Nguyễn Công Cơ vì dám nói thẳng, được thăng chức Thiếu bảo.

Tháng 10 năm Đinh Mùi (1727) Trịnh Cương phong cho con là Trịnh Giang làm tiết chế, tước uy quận công còn tự soạn bài "Bảo huấn" để ban dạy Trịnh Giang.

Về già, Trịnh Cương thường đi tuần du văn cảnh các nơi, cho sửa dựng nhiều chùa ở núi Độc Tôn và Tây Thiên để du ngoạn. Cổ Bi vốn là đất nổi tiếng vùng Kinh Bắc, tiếp giáp xã Như Kinh là quê mẹ của Trịnh Cương nên chúa về thăm luôn. Chúa còn cho xây phủ đệ mới tại đó, lấy tên là phủ Kim Thành và có ý định đóng phủ chúa ở đấy.

Năm Kỷ Dậu (1729) Trịnh Cương đi chơi chùa Phật Tích rồi Như Kinh, bị bệnh chết ngay tại đó, quan quân bí mật đưa về phủ phát tang. Vị chúa có nhiều tâm huyết với công cuộc cải cách kinh tế, chính trị này mất ở tuổi 44, cầm quyền 20 năm. Về sau con cháu suy tôn chúa là Nhân vương, hiệu là Hi tổ.

♦ **Dụ tổ Trịnh Vương - Trịnh Giang (1729-1740):**

Trịnh Giang là con cả Trịnh Cương. Khi Giang còn làm Thế tử, phó của Giang là Nguyễn Công Hãng đã dâng một mật sớ nhận xét rằng: Giang là người ươn hèn không thể gánh vác được ngôi chúa. Trịnh Cương đột ngột mất, Trịnh Giang với tư cách là Thế tử lên nối ngôi chúa.

Tháng 4 năm Canh Tuất (1730), Giang tự tiến phong là Nguyên soái, thống quốc chính Uy Nam vương. Sau khi lên ngôi, Trịnh Giang tôn bà nội là thái phi Trương Thị (vợ Trịnh Bính, người xã Như Kinh, huyện Gia Lâm, mẹ Trịnh Cương) làm Thái tôn Thái phi, mỗi khi truyền đạt lời của Thái tôn Thái phi thì gọi theo huy chỉ; tôn mẹ đẻ làm Thái phi; truy tôn ông ngoại là Tuấn quận công Vũ Tất Tố lên Tuấn Trạch công và đích mẫu Trịnh Thị (vợ cả của Trịnh Cương nhưng không có con, đã mất) làm Thái phu nhân, lập đền thờ ở kinh đô.

Năm Tân Hợi (1731) vì có điềm tai dị (Nhật thực) chúa hạ lệnh cho bày tội trình bày ý kiến về chính sự. Bùi Sĩ Tiêm đưa ra 10 điều, lời lẽ rất thống thiết, tâm huyết, chỉ trích những mục nát trong bộ máy cai trị lúc bấy giờ. Vì thế bọn quyền thần rất ghét Tiêm. Sớ đến tay Giang, quyền thần lại nói gièm thêm, Giang giận lắm, tước bỏ hết quan, đuổi Sĩ Tiêm về quê. Sau một thời gian ngắn, Tiêm mất.

Sau 6 năm giữ quyền bính, năm Bính Thìn (1736) Trịnh Giang phong cho em là Doanh 17 tuổi là Tiết chế thủy bộ chủ quân, chức Thái úy, tước An Quốc Công, cho mở phủ Lượng Quốc. Mỗi tháng 3 lần Doanh thay Giang triệu kiến trăm quan ở Trạch các để nghe tâu trình công việc. Giang rảnh tay vào ăn uống chơi bời. Giang cho xây dựng rất nhiều cung quán chùa chiền rất nguy nga và tốn kém: chùa Hồ Thiên, Hành cung Quế Trạo, Từ Dương, phủ đệ ở các làng ngoại như làng Từ Dương, làng Mi Thử. Nhân việc xây cất này, vì thế người làm ruộng, người đi buôn mất hết cơ nghiệp.

Trịnh Giang lao vào ăn chơi dâm loạn nên sức khoẻ ngày càng kém sút. Một hôm bất ngờ Trịnh Giang bị sét đánh gần chết. Từ đó mắc bệnh “kinh quý” (chứng tâm thần bất định, hoảng hốt và hay sợ hãi). Bọn hoạn quan Hoàng Công Phụ nói dối rằng: Muốn không bị hạ chỉ có cách trốn xuống đất. Nhân đó bọn chúng đào hầm cho chúa, gọi là cung Thượng Tri. Từ đó Trịnh Giang ở hẳn dưới hầm, không hề ra ngoài. Thế là Hoàng Công Phụ càng có điều kiện để lộng quyền. Quan quân muốn trừ khử lũ hoạn quan này, nên khắp các vùng dân chúng đã nổi lên: Hải Dương có Nguyễn Tuyển, Nguyễn Cừ... dân quê đeo bừa vác cuốc đi theo rất đông, có nơi đến hàng vạn người, triều đình bắt lặc, không trị nổi.

Trước tình hình nguy ngập ấy, Thái phi Vũ thị đã cùng triều thần bàn cách lập Trịnh Doanh lên thay Trịnh Giang để trấn an lòng người. Năm Canh Thân (1740) Trịnh Doanh lên thay quyền ngôi chúa, lấy hiệu là Minh Đô Vương, viển tôn Trịnh Giang làm Thái thượng vương. Như vậy Trịnh Giang cầm quyền được 10 năm (1729-1740) sau đó lánh ở cung Thượng Tri thêm 20 năm nữa rồi mới mất, thọ 51 tuổi, truy tôn là Thuận vương, hiệu là Dụ Tổ.

#### ♦ Nghị tổ Ân Vương - Trịnh Doanh (1740-1769):

Trịnh Doanh là con thứ ba của Trịnh Cương. Giang lên cầm quyền ở phủ chúa đã lâu mà chưa có con, thấy em là Doanh văn tài võ lược mới phong làm Khâm sai Tiết chế các xứ thủy bộ chủ quân, thái úy An Quốc công, cho mở phủ đệ riêng để phòng có người nối ngôi. Vì không thiết gì đến chính sự nên từ năm Bính Thìn (1736) Giang đã trao quyền nhiếp chính cho Doanh. Quan hệ anh em Giang và Doanh là tốt đẹp, không có gì đáng phải phàn nàn. Có điều là hoạn quan Hoàng Công Phụ lại ganh ghét Doanh vì Doanh sáng suốt, quả quyết, có tài văn võ và còn rất trẻ mà đã được quyền nhiếp chính, được lòng các quan trong ngoài. Công Phụ đã tìm cách hạn chế quyền lực của Doanh. Phụ hạ lệnh cho triều quan muốn tâu bày việc gì với Doanh, không được dùng chữ “bẩm” mà phải dùng chữ “trình”. Phủ chỉ cho Doanh dùng một căn nhà nhỏ ở phía Nam phủ chúa gọi là “đế”.

Biết Công Phụ muốn hại mình, Doanh khôn khéo giữ gìn kín đáo và nín nhịn. Trịnh Thái phi họ Vũ cho triệu các triều thần Nguyễn Quý Cảnh, Nguyễn Công Thái, Trịnh Đạc, Vũ Tất Thận, Nguyễn Đình Hoàn họ bàn trừ khử bè đảng Hoàng Công Phụ và đưa Trịnh Doanh lên ngôi chúa.

Lợi dụng lúc Hoàng Công Phụ đem toàn quân bản bộ ra dẹp cuộc khởi nghĩa của Nguyễn Tuyển ở ngoài, Nguyễn Quý Cảnh đem hương binh vào kinh bảo vệ phủ chúa và vào châu vua Lê, xin ra chỉ đưa Trịnh Doanh lên ngôi chúa. Sau đó hương binh của Quý Cảnh giết hết bè đảng của Hoàng Công Phụ. Trật tự trở lại trong phủ chúa. Trịnh Doanh khi đã có thực quyền trong tay, liền ban hành nhiều quyết định, hợp với lòng người, được quần thần và dân chúng ủng hộ. Chính sách cai trị dưới thời Trịnh Doanh khá chắc chắn và hoàn chỉnh. Nhiều sắc chỉ huy quy định được ban hành dưới thời Trịnh Cương (đã bị Giang bỏ) nay được dùng lại. Doanh cũng là một viên tướng giỏi có tài cầm quân. Trong vòng 10 năm cầm quyền, Trịnh Doanh lần lượt đã đánh tan và dẹp yên các cuộc khởi nghĩa khắp nơi. Đất nước tạm lắng nạn hỗn loạn, đặc biệt là quân Thanh Nghệ mà sau này hậu quả tai hại nảy sinh là nạn kiêu binh. Chúa sau Trịnh Doanh đã phải hứng chịu hậu quả ấy. Hơn nữa, do sai lầm không thể tha thứ được là đốt hết sổ sách thư từ, thu nhặt hết chuông khánh các chùa chiền để đúc binh khí.

Trịnh Doanh cũng chăm chỉ lo việc chính sự; cho đặt ống đồng ở cửa phủ để nhận thư từ dân chúng tố cáo việc làm sai trái của quan lại; định lệ các quan từ tam phẩm đến nhất phẩm, mỗi ngày lần lượt thứ tự hai người vào phủ chúa để hỏi về chính sự và mưu sách việc quân, việc nước.

Năm Ất Hợi (1755), vua Lê gia phong cho Trịnh Doanh là Thượng sư Thượng phụ anh đoán văn trị võ công Minh vương. Tháng 12 năm Ất Hợi (1755), Trịnh Doanh muốn Thiên đô sang Gia Lâm bèn hạ lệnh sửa sang xây dựng cung miếu ở Cổ Bi. Tuy vậy vẫn chưa dọn sang vì Doanh vốn say mê với chính sự.

Một điều đáng chú ý là mỗi khi tuyển chọn và cân nhắc quan lại, Trịnh Doanh rất coi trọng thực tài, chúa là người đầu tiên quy định: bất cứ ai, trước khi bộ Lại bổ dụng cất nhắc, phải dẫn vào phủ đường yết kiến để chúa trực tiếp hỏi về việc làm, ai có khả năng mới trao cho chức quyền. Chúa thường phạt rất công minh. Nhiều danh sĩ xuất thân khoa bảng được trọng dụng tiêu biểu là Lê Quý Đôn, Ngô Thì Sĩ....

Lịch sử ghi nhận những năm Trịnh Doanh cầm quyền ở Bắc Hà là những năm đất nước ổn định và thịnh đạt.

Tháng giêng năm Đinh Hợi (1767) Trịnh Doanh mất, con là Trịnh Sâm nối ngôi, Hai mươi tuổi, Trịnh Doanh lên nắm quyền, mất lúc 48 tuổi, ở phủ chúa 28 năm.

#### ♦ Thánh tổ Thịnh Vương - Trịnh Sâm (1767-1782):

Trịnh Sâm là con trưởng của Trịnh Doanh. Năm Ất Sửu (1745) Sâm được lập làm Thế tử. Trịnh Doanh tỏ ra quan trọng việc nuôi dạy con, bổ dụng hai tiến sĩ danh tiếng là Dương Công Chú và Nguyễn Hoàn làm tư giảng cho Trịnh Sâm. Tháng 10 năm Mậu Dần (1758), Trịnh Doanh phong cho con là Sâm là Tiết chế thủy bộ chủ quân, Thái úy, Tể tướng Quốc Công, mở phủ Lương Quốc và hết thầy công việc triều chính được giao hẳn cho Sâm.

Mùa xuân năm Đinh Hợi (1767), Trịnh Doanh mất, Trịnh Sâm nối ngôi, tiến phong là Nguyên Soái Tổng quốc chính Tể tướng vương.

Trịnh Sâm là người cứng rắn, thông minh, quyết đoán. Từ nhỏ, Sâm đã được học đến nơi đến chốn: có đủ tài văn võ, đã xem khắp kinh sử và biết làm thơ. Lên ngôi chúa, từ kỷ cương triều nội đến chính sự cả nước, Trịnh Sâm cho sửa đổi lại vì cho rằng phép tắc các triều trước là nhỏ hẹp, nay Sâm muốn làm to rộng hơn, nên phần nhiều tự quyết đoán, không nệ theo phép cũ.

Tại triều, ngay năm đầu Sâm lên ngôi, em là Trịnh Lệ mưu giết để thoán đoạt. Lệ cũng là người sáng suốt có cơ mưu và trí dũng. Gặp lúc cha chết, Lệ mật hẹn với Dương Trọng Khiêm và Nguyễn Huy Bá là gia khách định ngày giết Sâm. Việc bị lộ, Phạm Huy Cơ và đồ đảng bị giết, Trịnh Lệ bị tống giam.



Ngay sau khi lên ngôi chúa, Trịnh Sâm đã tìm cơ sát hại thái tử Duy Vĩ. Năm Kỷ Sửu (1769), sau hai năm lên ngôi, vì ghen ghét tài năng, đức độ và địa vị của Thái tử Duy Vĩ, Sâm đã vu tội cho Thái tử, sai người bắt giữ, truất ngôi và tống giam đến chết trong ngục.

Năm Canh Mùi (1770), sau khi đánh tan Lê Duy Mẫn, buộc Duy Mẫn tự tử, Trịnh Sâm kiêu mãn, cho mình có công lớn, bốn cõi yên ổn hơn hẳn mọi đời chúa trước nên tự tiến phong là Đại Nguyên soái tổng Quốc chính, Thượng sư Thượng phụ, Duệ đoán văn công võ đức Tính vương.

Năm Giáp Ngọ (1774), để khuếch trương thêm thanh thế, Sâm sai Hoàng Ngũ Phúc làm thống tướng đem quân vào Nam đánh chúa Nguyễn. Để tăng cường thanh thế cho binh sĩ Nam chinh, tháng 10 năm đó, Sâm thân cầm quân kéo vào Thuận Hoá. Quân Trịnh chiếm được Thuận Hoá và đặt quan cai trị đất Thuận Quảng.

Tháng 9 năm Nhâm Dần (1782), Trịnh Sâm mất, thọ 44 tuổi, 16 năm ở ngôi chúa.

#### ♦ Tuyên phi Đặng Thị Huệ và Điện Đô Vương Trịnh Cán:

Đặng Thị Huệ quê ở làng Phù Đổng, huyện Đông Anh, Bắc Ninh (nay là Hà Nội), là một nữ tì phục vụ trong phủ chúa. Trịnh Sâm sau khi đã dẹp yên các cuộc khởi nghĩa lớn, bốn phương yên ổn, kho đụn đầy đủ, dần dần sinh bụng kiêu căng, xa xỉ, phi tàn thị nữ kén vào rất nhiều, mặc ý vui chơi thoải thích.

Một hôm, tiếp dư Trần Thị Vinh sai nữ tỳ Đặng Thị Huệ bưng một khay hoa đến trước mặt chúa. Thị Huệ mắt phượng mày ngài, vẻ người rất xinh đẹp và hấp dẫn. Chúa Trịnh trông thấy đem lòng yêu mến đặc biệt. Thị Huệ ngày càng được chúa yêu. Á nói gì chúa cũng nghe và có việc gì chúa cũng nói với Thị Huệ. Từ đó, Thị Huệ được sống cùng một nơi với chúa y như vợ chồng nhà thường dân. Xe kiệu quần áo của Thị Huệ đều được sắm sửa như đồ dùng của chúa.

Thị Huệ ngày càng lộng hành. Hễ có chuyện không vừa ý là xây xẩm mặt mày, kêu khóc thảm thiết khiến chúa rối lòng.

Khi Huệ có thai, chúa sai người lễ bái khắp các chùa, mong sinh con thánh. Năm Đinh Dậu (1777) Huệ sinh con trai, chúa yêu dấu khác thường lấy tên của chúa thừa nhỏ đặt cho con là Cán, tỏ ra nó giống mình. Cán được một tuổi đã có tướng mạo rất khôi ngô đối đáp gãy gọn. Biết chúa cưng chiều Cán, Thị Huệ âm mưu cướp ngôi Thế tử cho Cán.

Nguyên trước đó, một quý phi tên là Ngọc Hoan đã sinh con trai đặt tên là Tông. Sâm không yêu Ngọc Hoan nên không muốn lập làm Thế tử, mặc dù Trịnh Tông đã 15 tuổi. Tông rất khôi ngô nhưng chúa chẳng chú ý chăm lo dạy bảo. Việc học tập của Tông đều giao phó cho các quan. Đến tuổi, Tông được ra ở riêng, chúa cũng lơ luông. Ngôi Thế tử chưa định nên lòng người ly tán, chia hai phe: phe Trịnh Tông, phe Trịnh Cán. Đặng Thị Huệ tìm được người có thể lực trong phủ chúa là Huy quận công Hoàng Đình Bảo. Hai người này cầu kết với nhau để mưu lập Trịnh Cán lên ngôi chúa.

Thế tử Tông thấy chúa lạnh nhạt với mình như vậy, lại biết được âm mưu của Đặng Thị Huệ và Quận Huy, nên đã bắt giam hai mẹ con Đặng Thị Huệ để dành ngôi chúa về mình. Không ngờ Trịnh Sâm lại khỏi bệnh, việc bị lộ. Thế tử Tông chịu tội giam biếm truất làm con thú. Từ đó phe cánh của Thị Huệ ngày càng mạnh. Triều quan phần lớn hòa theo Đặng Thị Huệ.

Thị Huệ hối thúc Trịnh Sâm lập Cán lên ngôi Thế tử. Bề tôi Trịnh Sâm cũng a dua hùn vào. Sâm đã định lập Cán, nhưng mẹ Sâm là Trịnh thái phi Nguyễn Thị can ngăn nên Sâm chưa quyết. Sau đó, do thúc giục của Huệ, Trịnh Sâm lập Cán làm Thế tử, dù Cán mới lên năm, Sâm dùng Quận Huy làm thầy dạy Cán.

Sâm bị bệnh trĩ, luôn ở trong cung không bao giờ đi ra ngoài. Đặng Thị định xếp đặt công việc,

gài tay chân giữ những cương vị then chốt trong phủ chúa. Cán là Thế tử còn nhỏ, bọn họ càng lộng quyền.

Năm Tân Sửu (1781), bệnh tình của Sâm nặng thêm và qua đời. Thị Huệ thông đồng với Quận Huy lập Cán lên ngôi chúa. Tuyên phi Đặng Thị Huệ nghiêm nhiên trở thành người điều khiển chính giúp con. Lòng người lo sợ từ phủ trở ra kinh thành, thôn dã, ai cũng biết chắc là hoạn loạn sẽ xảy ra.

Tháng 10 năm Tân Sửu (1781), binh lính Tam Phủ nổi loạn, truất ngôi Cán, giáng xuống Cung quốc công, đập phá nhà cửa, giết Đình Bảo cùng thân thuộc phe cánh. Họ đón Trịnh Tông lên ngôi vương, phong là Nguyên soái Đao Nam vương. Từ đó, kiêu binh ngày càng can rỡ, không ai trị nổi. Phe cánh Đặng Thị Huệ bị truy lùng và trả thù. Huệ bị truất ngôi xuống thứ nhân, sau uống thuốc độc chết. Trịnh Cán bị giáng ra ở phủ Lượng Quốc, ốm bệnh chết, ở ngôi được một tháng.

#### ♦ Đao Nam Vương - Trịnh Tông (1782-1786):

Trịnh Tông còn có tên nữa là Trịnh Khải, là con trai đầu của Trịnh Sâm và cung tần Dương Thị Ngọc Hoan, người làng Long Phúc, huyện Thanh Hà. Chị của Ngọc Hoan vốn là cung tần của Trịnh Doanh, được Trịnh Doanh rất yêu quý. Nhờ chị mà Ngọc Hoan được kén vào làm cung tần của Trịnh Sâm (con trai Doanh).

Sâm mất, Huệ và Quận Huy lập Cán lên ngôi chúa thì một bề tôi của Trịnh Tông là Dự Vũ dựa vào kiêu binh nổi dậy lập Tông lên ngôi chúa. Nạn kiêu binh hoành hành khắp kinh kỳ, dân chúng ngày đêm nơm nớp lo sợ.

Tháng 6 năm Bính Ngọ (1786), đang lúc phủ chúa rối ren là thế thì nghĩa quân Tây Sơn của Nguyễn Huệ với danh nghĩa “diệt Trịnh phò Lê” kéo ra Bắc Hà.

Chống cự lại rất yếu ớt, quân Trịnh tan rã, bỏ chạy. Tướng Hoàng Phúc Cơ, Nguyễn Lệ rút chạy lên phía bắc. Trịnh Tông mặc nhung phục, ngồi voi, cầm cờ lệnh chỉ huy, quân sĩ nhìn nhau không ai nghe theo. Chúa Trịnh phải một mình bỏ chạy lên Sơn Tây bị Nguyễn Trang cùng tay chân bắt nộp ngay cho quân Tây Sơn. Trên đường giải đến quân Tây Sơn, Trịnh Tông dùng dao tự tử. Trang đem xác Tông nộp cho Tây Sơn. Nguyễn Huệ sai người khâm liệm tống táng cho Trịnh Tông chu đáo rồi bổ dụng Nguyễn Trang làm trấn thủ Sơn Tây, tước Tráng Liệt hầu.

Trịnh Tông làm chúa được 4 năm thì bị chết, thọ 24 tuổi.

#### ♦ Ân Đô Vương - Trịnh Bồng (tháng 9/1786 đến tháng 9-1787):

Trịnh Bồng là con Trịnh Giang, bác họ của Trịnh Tông. Lúc đầu Bồng được phong làm Côn quận công. Trịnh Tông thua, Trịnh Bồng lánh nạn ở huyện Văn Giang (Hải Dương) chiêu tập binh mã đợi thời cơ. Khi Nguyễn Huệ cùng anh là Thái Đức Nguyễn Nhạc rút về Nam, Trịnh Lệ liền đem quân qua đò Thanh Trì kéo về chiếm lại phủ chúa. Đang đêm, Trịnh Lệ cho nổi trống triệu tập triều quan đến bàn việc lập Lệ lên ngôi chúa. Việc hấp tấp vội vàng đã không thành. Vua Lê, sau khi gắn bó với Tây Sơn không muốn chia quyền cho họ Trịnh như trước nữa, quan hệ giữa Vua Lê và Trịnh Lệ rất căng thẳng, Trịnh Lệ định mưu toán nghịch.

Giữa lúc ấy, một số người thân cận xui Trịnh Bồng viết biểu xin về châu vua. Trịnh Bồng bấy giờ đã 40 tuổi, tính nét hiền từ, khoan hậu được nhiều người mến mộ. Cuối đời, Trịnh Sâm, vì việc lập con trưởng, con thứ khó quyết, có lúc Sâm định lập Trịnh Bồng để trả lại ngôi chúa cho anh con nhà bác. Vì thế Sâm cho Thị Huệ nuôi Trịnh Bồng để phòng thay Cán nếu Cán mệnh mệnh. Trịnh Tông lên ngôi, kiêu binh mấy lần muốn phò Côn Quận Công Trịnh Bồng, đã vào tận nhà để thúc ép và đón rước, Bồng đã một mực từ chối. Lúc quân Tây Sơn kéo ra, Bồng chỉ đem theo một đứa ở, một tên lính lánh vào huyện Chương Đức, có tính chuyện đi tu. Biết Trịnh Lệ làm nhiều điều ngang ngược, trái phép, một số quan tìm gặp, khuyên Trịnh Bồng về triều giúp vua.

Thấy Trịnh Bồng vào triều, triều thần theo giúp, thanh thế Trịnh Bồng ngày càng lớn. Bồng chưa có ý lấn quyền vua Lê nhưng do bộ hạ thúc giục nên đã nghe theo.

Bồng đến châu, vua muốn Bồng trở về nhà cũ, phong làm Tiết chế thủy bộ chủ quân, Bình chương quân quốc trọng sự, Thái uý Côn quận công, cấp 3000 tên lính, 5000 mẫu ruộng và 200 xã dân tộc để phụng thờ họ Trịnh. Bọn Đinh Tích Nhưỡng lại muốn Trịnh Bồng làm vương tại phủ chúa đời chúa trước kia nên đã nhiều lần gan lì sang xin vua phong vương cho Trịnh Bồng. Ngược lại, vua Lê kiên quyết từ chối. Cuối cùng do sức ép của Đinh Tích Nhưỡng kẻ nắm binh quyền, bắt đắc dĩ, vua phải y theo, phong Bồng làm Nguyên soái, tổng quốc chính, Yên Đô vương.

Trịnh Bồng nhu nhược, lười biếng, không điều khiển được công việc, do đó chính sự lại lọt vào tay Đinh Tích Nhưỡng. Chúng khuyên Bồng lập lại phủ chúa như xưa, phủ chúa thành một triều đình riêng. Từ đó, vua và chúa ngày càng mâu thuẫn. Vua Lê định cầu viện quân ngoài trấn vào kinh dẹp Trịnh, Trịnh Bồng biết, doạ giết, lập vua khác. Tình thế hết sức nguy khốn. Vua Lê buộc phải cho vời Nguyễn Hữu Chỉnh từ Nghệ An cho quân về giúp. Quân Chỉnh vào Thăng Long một cách dễ dàng. Tướng lĩnh Trịnh bỏ chạy. Họ Trịnh từ Thái vương Trịnh Kiểm truyền đến Trịnh Sâm vừa được 8 đời thì xảy ra biến loạn, đúng với lời phán đoán về đất phát tích của tổ tiên họ Trịnh. Đến án Đô vương Trịnh Bồng thì nghiệp chúa hết.